

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 03 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa.

2. Bà Trần Thị Ngọc Lan.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Mai Anh Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Thanh L, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Có mặt

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: thôn T, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Võ Thanh L trình bày:

Anh và chị Trần Thị Thanh H có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình) cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vì vậy hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thanh H.

Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

Quá trình chung sống anh Võ Thanh L trình bày không có tài sản chung, không nợ nần gì ai hay ai vay nợ gì của vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng chị Trần Thị Thanh H không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị Trần Thị Thanh H.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến tham gia tố tụng trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình:

1. Xét xử vụ án vắng mặt chị Trần Thị Thanh H.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Võ Thanh L được ly hôn với chị Trần Thị Thanh H.
3. Về quan hệ con chung và tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có nên không xem xét.
4. Về án phí: Anh Võ Thanh L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã H thì thời điểm anh L làm đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị Trần Thị Thanh H thì chị H vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Mặt khác, qua biên bản xác minh ngày 27/02/2019 bố đẻ chị H là ông Trần Phúc H xác định hiện chị H vẫn sinh sống với gia đình tại thôn T, xã H, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay và các lời khai của anh L là đúng sự thật. Tuy nhiên, sau khi hai vợ chồng sống ly thân chị H chuyển về ở nhà ngoại và đã đi làm việc ở xa, do công việc công ty không thu xếp nghỉ được nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, gia đình liên lạc nhưng chị H

không cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ thông qua điện thoại liên lạc về nhà chị H trao đổi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã B ông Trần Phúc H là bố đẻ chị H đã trực tiếp nhận và đã thông báo cho chị H biết nhưng chị H không về giải quyết ly hôn được. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ nhưng chị H không chấp hành. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã B căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thanh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Tình trạng hôn nhân thực tế hiện các bên đã sống ly thân hơn 03 năm nay, chị H chuyển về nhà ngoại sinh sống. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh tại nhà bố mẹ chị H, thì bố mẹ chị H cho biết thông qua điện thoại liên lạc về chị H đồng ý ly hôn, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: theo lời khai của nguyên đơn và qua kết quả xác minh tại gia đình của bị đơn xác định vợ chồng anh L và chị H không có tài sản chung, không nợ chung và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Anh Võ Thanh L nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Trần Thị Thanh H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho anh Võ Thanh L được ly hôn chị Trần Thị Thanh H.
3. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không xem xét.
4. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.
5. Về án phí: Anh Võ Thanh L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002305 ngày 14 tháng 01 năm 2019. Anh Võ Thanh L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/03/2019. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

